



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN HUU NGHIA
Last Middle First

Current Address: 52 Vinh Son P.3 - Tam Binh. Ho Chi Minh City

Date of Birth: 01-01-1934 Place of Birth: Long An

Previous Occupation (before 1975) Major & ARVN
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From June 16, 75 To August 9, 1984
Years: 09 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship
<u>NGUYEN DANG NGOC</u>	<u>Cousin</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
LE . THI HA	1937	wife
NGUYEN THI NGOC HANH	1957	daughter
NGUYEN THI THANH VAN	1959	daughter
NGUYEN THI BANG TAN	1961	daughter
NGUYEN HUU DUNG	1962	son
NGUYEN HUU TRI DUC	1965	son
NGUYEN HUU VIET TU	1966	son
NGUYEN HUU BOCH THAO	1969	daughter
NGUYEN HUU THIEN PHUOC	1983	son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

ASSOCIATION OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS' FAMILY
Hội Gia-Đình Tù nhân Cải-Tạo Vietnam

Đã vào sổ 1/30/85

Địa chỉ: ...

OB P
card 102-03

85

VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS' DATA (OUT-OF-CAMP)
Phiếu dữ kiện dành cho Tù nhân Cải Tạo VN đã được thả

Mẫu D

- FULL NAME OF INFORMATION PROVIDER: (Last,) (First) (Middle)
Tên, Họ người cung cấp dữ kiện: NGUYEN DANG NGOC
- NATURIZATION CERT./ALIEN #
Số CC Quốc tịch/Thẻ Thường trú: Quốc tịch Mỹ
- PRESENT ADDRESS & PHONE #:
Địa chỉ hiện tại & Số ĐT:
- RELATIONSHIP:
Liên hệ gia đình (với tù nhân Cải tạo): em bà con (cousin)
- FULL NAME OF EX. POLITICAL PRISONER:
Tên, Họ Cựu tù Cải Tạo: NGHĨA NGUYEN - Kiều
(Nguyễn Hữu Nghĩa)
- DATE AND PLACE OF BIRTH: (Mo/Date/Yr)
Tháng/Ngày/Năm và Nơi sinh: 1-1-1934 Long An
- POSITION/RANK/MOS# (Before 4/75)
Chức vụ/Cấp bậc/Số quân (Trước 4/75): quân trưởng + chi khu Trưởng - 54A/105.096
- LAST POSITION/UNIT OF SERVICE:
Cơ quan/Đơn vị-phục vụ sau cùng: Quân + chi khu Bảo lộc, tỉnh Lâm Đồng
- MONTH/DATE/YEAR ARRESTED:
Tháng/Ngày/Năm bị giam giữ: June - 16th - 1975
- MO/DATE/YR OUT OF CAMP:
Tháng/Ngày/Năm được thả: (Nếu có, Xin đính kèm 1 bản Photo Giấy Trả Tự do)
August - 9th - 1984
- PRESENT MAILING-ADDRESS OF EX.P/PRISONER IN VN:
Địa chỉ 1/1 hiện tại với Cựu tù nhân tại VN:
52 Vĩnh Sơn, phường 3 quận Tân Bình, tp/phố Hồ Chí Minh

LIST FULL NAME/DOB&POB OF EX.P/PRISONER'S IMMEDIATE FAMILY & MOTHER/FATHER:
Tên, Họ/Ngày/Tháng/năm sinh & Nơi sinh Gladinh Cựu Tù nhân kể cả Cha/Mẹ ruột:

- Hà - Lê Thị Sinh - ngày 10-3-37 tại Bàu Tru - vợ
- Hành - Nguyễn Thị Ngọc - 25-10-57 - Bà mẹ thuộc con
- Vân - Nguyễn Thị Thanh - 6-8-59 - " "
- Tâm - Nguyễn Thị Bằng - 2-4-61 - " "
- Dũng - Nguyễn Hữu - 1-5-62 - " "
- Nhân - Nguyễn Hữu Trí - 6-11-64 - " "
- Đức - Nguyễn Hữu Trí - 13-9-65 - " "
- Tu - Nguyễn Hữu Việt - 25-5-66 - " "
- Thảo - Nguyễn Hữu Việt - 1-7-69 - " "
- Phước - Nguyễn Hữu Trí - 3-8-83 - Đồng nai (Long Thành)

(bản ở 227-Sussex St. Harrison New Jersey 07029 USA)

- DATE OF SUBMITTING THE APPLICATION FOR FAMILY RE UNIFICATION
Ngày có nộp đơn xin đoàn tụ gia đình chưa?
H. 10/1/84 (bản đã)
- OBP/BANGKOK # (Số IV hồ sơ Đoàn Tụ của OBP/BKK)

- DATE OF NOTICE APPROVAL FROM I-171 INS/FORM:
Ngày cấp Thông báo thuận NHẬP CAMH trong mẫu I-171: (Nếu có, Xin kèm một bản photo mẫu I-171)

COMMENT/RECOMMENDATIONS: yêu cầu Ủy Hội giúp đỡ việc thủ tục cho gia đình/đồng nghiệp: anh em đã được xuất cảnh sang Mỹ - việc hồ sơ có đủ thiếu sót, xin báo tôi biết để bổ túc

Signature of info. provider
CHỮ ký của người điền Phiếu.

BỘ NỘI VỤ
Trại XUAN LOC
Số 65I GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

0	0	I	6	7	6	2	3	I	5	2
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

SIISLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thực hành án văn, quyết định tha số 314/QĐ ngày 07 tháng 07 năm 1984

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGUYỄN HỮU NGHĨA Sinh năm 19 34

Các tên gọi khác

Nơi sinh Long an

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

164/3 Trương minh giảng. Quận 3. TP/ HO CHI MINH

Cán tội Thiếu tá quân trưởng

Bị bắt ngày 23/06/1975 An phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 52 Đường vinh sơn. Phường 3//Quận Tân Bình. TP/ HCM

Nhận xét quá trình cải tạo

(Quần chế : 12 tháng)

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày 18 tháng 08 năm 1984

Lấn tay ngón trỏ phải
Của Nguyễn hữu Nghĩa

Danh bản số

Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 09 tháng 8 năm 19 84

Giám thị

Nguyễn hữu Nghĩa .

Thượng tá: Trịnh Văn Minh

HÔN-THÚ BẠC

NHET

Số hiệu 0080/HT
(1)

Người chồng : (Tên, họ)	NGUYEN.HUU.NHIA
Nghề-nghiệp :	QUAN NUAN
Sanh tại :	BINH QUOI, TINH TAN AN
Sanh ngày :	1/1/01./1984
Cư-trú tại :	K.P.C. 4.005
Cha chồng : (Tên, họ, sống chết phải nói)	NGUYEN.VAN.TRUONG
Mấy tuổi :	HON MUI SAU TUOI
Nghề-nghiệp :	CANH SAT
Cư-trú tại :	SAIGON
Mẹ chồng : (Tên, họ, sống chết phải nói)	TRAN.THI.CHI
Mấy tuổi :	HON MUI HON TUOI
Nghề nghiệp :	VI TI
Cư-trú tại :	SAIGON
Chủ-hôn bên trai : (Tên, họ)	//
Mấy tuổi :	//
Nghề-nghiệp :	//
Cư-trú tại :	//
Người vợ : (Tên, họ)	LE.THI.HA
Vợ (chánh hay vợ thứ) :	vợ chánh
Nghề-nghiệp :	Nữ phụ tá
Sanh tại :	Da-phuoc-noi, tinh BEN TRE
Sanh ngày :	16/5/01/1937
Cư-trú tại :	Banmethuot
Cha vợ : (Tên, họ, sống chết phải nói)	L.VAN.NHAN
Mấy tuổi :	(chết)
Nghề-nghiệp :	//
Cư-trú tại :	//

(1) Lễ chưa đề
lược-biên án tòa
cải giấy hôn-thú lại.

Thị thực của ông
 LÊ VĂN TRIỆU Đại diện xã
 Lạc-Giao kiêm Hộ tịch.
 HENDER 1957, ngày 0.5.1960
 TỈNH TRƯỞNG TỈNH ĐÀRLAC

DUONG GIA LAM

Trích lục y bạ năm 1957
 HENDER 1957, ngày 5-5-1960
 CÁI GIÁC
 HENDER 1957, ngày 5-5-1960
 HENDER 1957, ngày 5-5-1960

LÊ VĂN TRIỆU

NGUYỄN HUU NGHĨA
 LÊ THỊ HÀ

Hộ-lai,

(đã ký tên và
 đóng dấu)

Vợ chồng,

Mat-nhon,

Cha mẹ hai bên,

NGUYỄN VĂN TRƯỞNG
 TRAN THỊ CHU
 LÊ VĂN NHAN (C)
 DANG THỊ KIEM

Chủ-hôn,

Nhơn-chứng,

NGUYỄN VĂN DẠC
 BUI VĂN AN

Lập tại LAC GIAO, ngày 7.6.1967

Mẹ vợ :	(Tên, họ, sống chết phải nói)	DANG, HI, KIEM
Mấy tuổi :		BON HAI BON TUOI
Nghề-nghiệp :		BA DU
Cư-trú tại :		CHOLON
Chủ-hôn bên gái :	(Tên, họ)	//
Mấy tuổi :		//
Nghề-nghiệp :		//
Cư-trú tại :		//
Người làm mai :	(Tên họ)	//
Mấy tuổi :		//
Nghề-nghiệp :		//
Cư-trú tại :		//
Ngày cưới :		31.5.1957
Ngày khai :		7.6.1957
Vợ chồng có khai nhận con tư- sanh làm con chánh-thức không ?		//
Họ, tên, tuổi, ngày sanh, nơi sanh của mỗi con tư-sanh nhận là con chánh-thức :		//
Người chứng thứ nhất :	(Tên, họ)	NGUYEN, VAN, DAC
Mấy tuổi :		
Nghề-nghiệp :		BA HAI BON TUOI
Cư-trú tại :		QUAN MIAN
Người chứng thứ nhì :	(Tên, họ)	R.B.C. 4.196
Mấy tuổi :		BUI, VAN, AN
Nghề-nghiệp :		BA HAI BON TUOI
Cư-trú tại :		QUAN MIAN

BỘ TƯ PHÁP
(Ministère de la Justice)

QUỐC GIA VIỆT NAM
(Etat du Viet Nam)

SỞ TƯ PHÁP NAM VIỆT
(Service Judiciaire du Sud Viet Nam)

PHÒNG LỤC SỰ TÒA MỸ THO
(Greffé du Tribunal de)

BẢN SAO LỤC BỘ KHAI SANH LÃNG BÌNH QUỚI (Tân An)
(Extrait du registre des actes de naissance)

NĂM 1934
(année)

SỐ HIỆU 1
(Acte N°)

(NAM VIỆT)
(Sud Viet Nam)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	:	NGUYỄN-HỮU-NGHĨA
Nam, Nữ (Sexe de l'enfant)	:	Trai
Sanh ngày nào (Date de naissance)	:	Le 1er Janvier 1934
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	:	Bình Quới
Tên, họ Cha (Nom et prénom du père)	:	NGUYỄN-HỮU-TRƯƠNG
Cha làm nghề gì (Sa profession)	:	Buôn bán
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	:	Bình Quới
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	:	TRẦN-THỊ-CHI
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	:	Buôn bán
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	:	Bình Quới
Vợ chánh hay là vợ thứ (Son rang de femme mariée)	:	Vợ chánh

Chúng tôi NGUYEN-VAN-MAU
(Nous

Chánh-án Tòa Mỹ-Tho
(Président du Tribunal)

Chúng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la
signature de M)

Ông NGUYEN-HUY-SINH

Chánh Lục Sự Tòa-Án này
(Greffier en Chef dudit tribunal)

Mỹ-THO, ngày 11 - 7 - 1955

Chánh Án
(Le Président)

(Ký tên và đóng dấu)

SAO Y BỐN CHÁNH
(Pour extrait conforme)

Mỹ-THO, ngày 11-7-1955

CHÁNH LỤC SỰ
(Le Greffier en chef)

(Ký tên và đóng dấu)

Giá tiền : 1380
(cốt)

Biên lai số 4889
(Quittance n°)

LỜI CUỘC : Par jugement N° 261 s/ requête rendu le 30 Novembre 1938, le Tribunal de 1ère instance de My Tho a ordonné la rectification de l'acte de naissance ci contre en ce sens que tous les nom écrits en abréviation NG. HUU, TRAN V. , et VO V. " y seront remplacés par NGUYEN HUU, TRAN VAN, VO VAN, écrits en toutes lettres (soit transmis N° 1486 du 20 Avril 1939 du Parquet de My-Tho) - My-Tho, le 27 Avril 1939. Le Greffier en chef, Signé illisible avec cachet

CHÁNH LỤC SỰ
(Ký tên và đóng dấu)

Đao
SAO Y BỐN CHÁNH :

Banmethuot, ngày 24 tháng 11 năm 1958

T.L. Tỉnh-Tướng Tỉnh ĐÀRLAT
Lý-Sự hành-Chánh



Đào Văn Hoàng

Ngày 5 tháng 12 năm 1951

GIẤY THẺ VÌ KHAI SANH CHO

Lê Thị Hà

Năm một ngàn chín trăm năm mươi một, ngày 5 tháng 12, hồi 10 giờ.

Trước mặt chúng tôi là NGUYỄN-VĂN-ĐẤT Thâm-phán Tòa Hòa-Giải Việt-Nam.
Quận Saigon - Cholon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Charner, có Lục-sự
J. NGUYỄN-VĂN-TRÀ, giúp việc.

ĐÃ ĐẾN HẦU:

1) NGUYỄN HUU TRỌNG, 31 tuổi, Thợ ký, cư ngụ tại Saigon, nhà số 120/1 đường Myriau des Vergnes, giấy thông hành số 30720 (Saigon số 4);

2) NGUYỄN NGOC TY, 50 tuổi, buôn bán, cư ngụ tại Saigon, nhà số 107 đường Richard giấy thuê thân số 41.018 (Saigon);

3) NGUYỄN VĂN ĐIỀU, 40 tuổi, kiểm điểm viên, cư ngụ tại Saigon, nhà số 09/2 đường Chaigneau, giấy thông hành số 2022 (Saigon số nhất)

Những nhân chứng này đã tuyên thệ và khai quả quyết biết chắc tên

Lê Thị Hà - - - - -
và biết rõ sanh ngày 10 tháng 5 năm 1907 -
tại làng Lu-phước-hội (Dontra) con của LU VĂN KHANH (chết) và LÊ THỊ

Và duyên cớ mà - - - - - mẹ nó không có thể xin sao lục khai sanh
được là vì bộ sanh năm 1907 của làng Lu-phước-hội - - -
đã bị tiêu hủy - - - - - chiếu theo thơ đề ngày 9 tháng 11 năm 1901
của ông lục sự Tòa Centre.

Mấy người chứng đã xác nhận như trên đây, nên tôi phát giấy thẻ vì khai sanh
này cho tên Lê Thị Hà - - -
để nộp vào hồ sơ học sinh của nó -
tuần chiếu theo nghị-dịnh ngày 17 tháng 11 năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời
Nam-phần Việt-Nam. Các điều 363 và tiếp theo của bộ hình luật canh cải, phạt tội ngụy chứng
về việc hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 50 đến 2.000 quan đã được đọc cho các
người chứng và nguyên đơn nghe.

Và các người chứng có ký tên với tôi và viên Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên: NGUYỄN-VĂN-ĐẤT, J. NGUYỄN-VĂN-TRÀ, NGUYỄN HUU TRỌNG, NGOC TY và NGUYỄN THỊ ĐIỀU.

Dưới có ghi: Đóng-bách phần tại phòng ba Saigon.

Ngày 5 tháng 12 năm 1951. Số: 88, Tờ: 6, Ngăn: 19. Thí:

Ký tên: CHIEU HAI YEN.

Giá tiền:

Sao lục 1 \$ -
Biên lai 0.50
Cộng 1 \$ 50

Lục sao y
Chánh Lục-Sự.

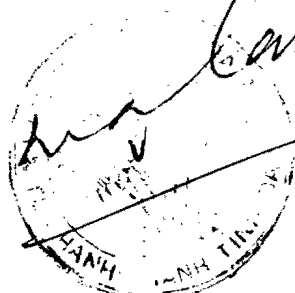


KHAI SANH

Số hiệu 04371-KS



Thi thực chu kỳ của Ông
LE VAN TRIEU Đại diện xã
Lạc-giao kiêm HỒ TỊCH.
BANMETHUOT, ngày 6.5.1960
TỈNH TUYÊN THƯƠNG
ĐARLAC



DƯƠNG GIA LAM

Trích lục y bạ năm 1957
Banmethuot, ngày 5.5.1960
Đại diện xã LẠC GIAO
KIỂM TRA CHẤM



LÊ VĂN TRIỀU

Tên, họ ấu-nhì :	NGUYEN .THI .NGOC .HANH
Phái :	CON GAI
Sinh : (Ngày, tháng, năm)	HAI MƯƠI LAM THANG MƯƠI ĐƯƠNG LICH NAM 1957
Tại :	HỒ SAN XA LAC GIAO
Cha : (Tên, họ)	NGUYEN HUU NGHIA
Tuổi :	HAI MƯƠI BA TUOI
Nghề-nghiệp :	SI QUAN
Cư-trú tại :	K.B.C. 4.005
Mẹ : (Tên, họ)	LE .THI .HA
Tuổi :	HAI MƯƠI TUOI
Nghề-nghiệp :	CONG CHUC
Cư-trú tại :	HUU LAM SON BANMETHUOT
Vợ :	CHANG
Người khai : (Tên, họ)	NGUYEN .HUU .NGHIA
Tuổi :	HAI MƯƠI BA TUOI
Nghề-nghiệp :	SI QUAN
Cư-trú tại :	K.B.C. 4.005
Ngày khai :	BA MƯƠI HAT THANG MƯƠI DL.NAM 1957.
Người chứng thứ nhất : (Tên, họ)	Giay chung nhan
Tuổi :	HỘ-sanh
Nghề-nghiệp :	Thanh-binh
Cư-trú tại :	xa Lac-Giao
Người chứng thứ nhì : (Tên, họ)	Banmethuot
Tuổi :	TỈNH
Nghề-nghiệp :	ĐARLAC
Cư-trú tại :	

Làm tại xã _____, ngày _____ 19 _____

Người khai,

NGUYEN .HUU .NGHIA

Hộ-lai,

(Đã ký tên
và đóng dấu)

Nhân-chứng,

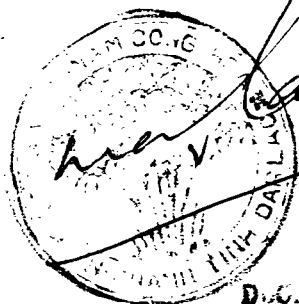
Giay chung nhan
Ho sinh THANH
BINH XA LAC GIAO
BANMETHUOT
TỈNH DARLAC

Số hiệu 1477/ES



Thi thuc chu ky can Cong
LE VAN TRIEN Thi dien VA
Lao-Giao kien H. Nieu.

BARRETHUOT, ngày 2...1940
TỔNG. TÍNH T...
DANH SÁCH



DECLASSIFIED

Fish ... hồ ... 1959
 ... ngày 26-4-1960
 ...
 KIẾN MÔ TỊCH



LE-VĂN-TRIFU

Tên, họ đầu-nhì : _____	NGUYEN-THI-THANH-VAN
Phái : _____	CON GAI
Sinh : _____ (Ngày, tháng, năm)	HOANG SACH TRANG TAM TUONG LICH NAM 1959
Tại : _____	DAN T V B B. B. H. S. T. G. T
Cha : _____ (Tên, họ)	NGUYEN-HUU-NGHIA
Tuổi : _____	HAI MUOI LAM TUOI
Nghề-nghiệp : _____	SI QUAN
Cư-trú tại : _____	K. B. C. 4.005
Mẹ : _____ (Tên, họ)	LE-THI-NA
Tuổi : _____	HAI MUOI HAI TUOI
Nghề-nghiệp : _____	CONG-CHAC
Cư-trú tại : _____	KHU DOC LAP BAN-THUOT
Vợ : _____	CHANH
Người khai : _____ (Tên, họ)	NGUYEN-HUU-NGHIA
Tuổi : _____	HAI MUOI LAM TUOI
Nghề-nghiệp : _____	SI QUAN
Cư-trú tại : _____	K. B. C. 4.005
Ngày khai : _____	HOANG SACH TRANG TAM TUONG LICH NAM 1959
Người chứng thứ nhất (Tên, họ)	TIEN-KI-THANH
Tuổi : _____	BA MUOI HAI TUOI
Nghề-nghiệp : _____	THUOC-C. SI
Cư-trú tại : _____	K. B. C. 4.005
Người chứng thứ nhì : _____ (Tên, họ)	LE-VAN-VINH
Tuổi : _____	HAI MUOI BAN TUOI
Nghề-nghiệp : _____	QUAN KHAN
Cư-trú tại : _____	K. B. C. 4.005

Làm tại xã **LAC GIÀO**, ngày **1.8.1999** 19

Người khất,
NGUYỄN. HUU. NGHIA

Họ-tên,
(Đã ký tên và
đóng dấu)

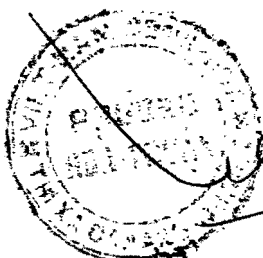
Nhân-chứng,
TÂN-CHU-CHINH
LÊ-V. V. V. V. V.



Tên Họ đủ nhì	NGUYỄN-THỊ-BUÔNG-KIM
Phái	NỮ
Sanh	Ngày mồng hai tháng tư năm một ngàn chín trăm sáu mươi một (02.04.1961)
Ngày, tháng, năm)	
Tại	Tổng Y Viện Dục-Tân
Cha	Nguyễn-Hữu-Nghĩa
(Tên họ)	
Tuổi	27 Tuổi
Nghề	Quản-Trần
Cư trú tại	KBC. 4.130
Mẹ	Lê-Thị-Hà
(Tên họ)	
Tuổi	24 Tuổi
Nghề	Nữ-Phụ-Tá
Cư trú tại	KBC. 4.374/B
Vợ	Chính
(Chánh hay thứ)	
Người khai	Lê-Thị-Hà
(Tên họ)	
Tuổi	24 Tuổi
Nghề	Nữ-Phụ-Tá
Cư trú tại	KBC. 4.374/B
Ngày khai	Ngày mồng hai tháng tư năm một ngàn chín trăm sáu mươi một (11.04.1961)
Người chứng thứ nhất	Có giấy chứng nhận của Tổng Y Viện
(Tên họ)	
Tuổi	Dục-Tân cấp ngày 02.04.1961
Nghề	//
Cư trú tại	//
Người chứng thứ nhì	//
(Tên họ)	//
Tuổi	//
Nghề	//
Cư trú tại	//

Làm tại Hòa-Thuận, ngày 11 tháng 04 năm 1961
Người khai, Hồ lai, Nhân chứng
Lê-Thị-Hà Nguyễn-Hữu-Nghĩa có giấy chứng nhận

PHUNG TRICH-LUC

Hải Phòng ngày 20 tháng 04 năm 1961
PHUNG TRICH-LUC KINH LÝ TỰ

THÀNH THẠCH HƯNG

KHAI-SINH



Tên Họ ấu nhi	NGUYỄN-HUU-DONG
Phái	Nam
Sinh	Mồng mốt, tháng năm, năm một ngàn chín trăm
Ngày, tháng, năm)	sáu mươi hai (01.05.1962)
Tại	Tổng Y Viện Duy-Tân
Cha	Nguyễn-Hữu-Nghĩa
(Tên họ)	28 Tuổi
Tuổi	Quân-Nhân
Nghề	KBC. 4.005
Cư trú tại	Lê-Thị-Hà
Mẹ	25 Tuổi
(Tên họ)	Nữ-Phụ-Tả
Tuổi	KBC. 4.374/B
Nghề	Quân
Cư trú tại	Lê-Thị-Hà
Vợ	25 tuổi
(Chánh hay thứ)	Nữ-Phụ-Tả
Người khai	KBC. 4.374/B
(Tên họ)	Mồng bốn, tháng năm, năm một ngàn chín
Tuổi	trăm sáu mươi hai (14.05.1962)
Nghề	Người chứng thứ nhất
Cư trú tại	Cố giấy chứng nhận của phòng sản
Người chứng thứ hai	trên Tổng Y Viện Duy-Tân
(Tên họ)	//
Tuổi	//
Nghề	//
Cư trú tại	//
Người chứng thứ ba	//
(Tên họ)	//
Tuổi	//
Nghề	//
Cư trú tại	//

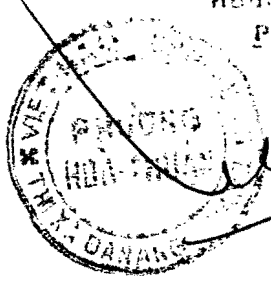
PHÒNG Y VIỆN DUY-TÂN
HỒN THƯỢNG NGUYỄN
CHỦ TỊCH CỦA

Làm tại **Hồn-Thượng** ngày **14** tháng **05** năm **19 62**

Người khai: **Lê-Thị-Hà** Hộ lại: **Nguyễn-Hữu-Nghĩa** Nhận chứng: **Cố giấy chứng nhận sinh hậu.**

PHUNG TRICH-LUC

Hồn-Thượng ngày **14** tháng **05** năm **1974**
PHUNG TRICH-LUC



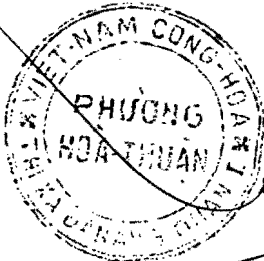
THÁI-THẠCH-HUNG

K H A I - S I N H



Tên Họ và chữ	NGUYỄN-HỮU TRÍ-ĐỘC
Phái	NAM
Sinh (Ngày, tháng, năm)	Ngày mười ba, tháng chín, năm một ngàn chín trăm sáu mươi lăm (13.9.1965) lúc 9 g 15
Tại	Tổng Y-Viện Duy-Tân, Thành Phố Đà-Nẵng
Cha (Tên họ)	Nguyễn-Hữu-Nghĩa
Tuổi	Sinh năm 1934
Nghề	Quân-nhân
Cư trú tại	KBC. 4.094
Mẹ (Tên họ)	Lê-Thị-Hà
Tuổi	Sinh năm 1937
Nghề	Nội trợ
Cư trú tại	Số 174, Hoàng-Diệm, Đà-Nẵng
Vợ (Chánh hay thê)	Chính
Người khai (Tên họ)	Nguyễn-Hữu-Nghĩa
Tuổi	Sinh năm 1934
Nghề	Quân-nhân
Cư trú tại	KBC. 4.094
Ngày khai	Mười tám, tháng chín, năm một ngàn chín trăm sáu mươi lăm (18-9-1965)
Người chứng thứ nhất (Tên họ)	Có giấy chứng nhận của
Tuổi	I-Sĩ Trung-Úy Tôn-Thất-Cần
Nghề	Trưởng trại sản khoa tại Tổng-Y-Viện
Cư trú tại	Duy-Tân, Thành-Phố Đà-Nẵng
Người chứng thứ nhì (Tên họ)	//
Tuổi	//
Nghề	THAM-CHIEU SỞ-LENH SỞ-S7/SUMY NGÀY 18/9/65 CỦA TẬP-THỂ BÁC-SĨ PHU KHAI TRẠC CHỨC CỦA HỒ-SĨ NGUYỄN
Cư trú tại	//

Làm tại Hòa-Thủy ngày 18 tháng 9 năm 1965
Người khai, Hô lại, Nhân chứng,
NGUYỄN-HỮU-NGHĨA
PHUNG THỊCH-LỰC
Hòa-Thủy ngày 20 tháng 9 năm 1965
PHONG TƯỜNG KIỂM-TRA



THÁI-THẠCH-HƯNG

KHAI SANH

Số báo: 654



Tên, họ sơ nhi: NGUYỄN-HỮU-VIỆT-TÚ
Phái: Nam
Sinh: ngày hai mươi lăm, tháng năm, năm một
(Ngày, tháng, năm) ngàn chín, trăm sáu mươi sáu (25-5-1966)
Tại: Tổng Y-Viện Duy-Tân Khu Hòa-Thuận
Cha: NGUYỄN-HỮU-NGHĨA
(Tên, họ)
Tuổi: ba mươi hai tuổi (32)
Nghề-nghệp: Quân nhân
Cư-trú tại: KBC.4.094
Mẹ: LÊ-THỊ-HÀ
(Tên, họ)
Tuổi: Ba mươi tuổi (30)
Nghề-nghệp: Nội trợ
Cư-trú tại: 174 đường Hoàng-Diêu Đà-Nẵng
Vợ: Chánh
Người khai: NGUYỄN-HỮU-NGHĨA
(Tên, họ)
Tuổi: Ba mươi hai tuổi (32)
Nghề-nghệp: Quân nhân
Cư trú tại: KBC.4.094
Ngày khai: ngày ba mươi tháng năm, năm một ngàn
chín trăm sáu mươi sáu (30-5-1966)
Người chứng thứ nhất: Giấy chứng nhận của
(Tên, họ)
Tuổi: Y-Sĩ Trung-Úy TÂN-THẮT-CẦN
Nghề-nghệp: Trưởng Đại Sứ-Khoa Tổng Y-Viện
Cư-trú tại: Duy-Tân cấp ngày 30-5-1966.
Người chứng thứ nhì: /
(Tên, họ)
Tuổi: /
Nghề-nghệp: /
Cư-trú tại: /

Làm tại TRUNG-ÂM-BÁC-SĨ, ngày 10 tháng 6 năm 1966

Người khai,

Hộ lại

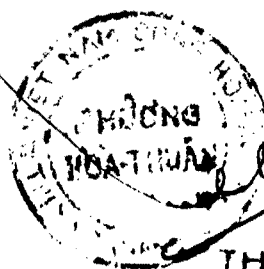
Nhân chứng,

NGUYỄN-HỮU-NGHĨA

PHUNG TRÍCH-LUC

Giấy chứng nhận

Học Trường ngày... tháng... năm...
TRUNG ƯƠNG KIỂM Duyệt



THAI-THACH-HUNG



Tên họ và bố	NGUYỄN-HỮU-NHICH-TRUO
Phái	NỮ
Sinh	ngày mốt, tháng bảy, năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín (01-7-1969)
(Ngày, tháng, năm)	
Tại	Trại Sản-khoa Tổng-Y-Viện Duy-Tân (ĐÀ-NẴNG)
Cha	NGUYỄN-HỮU-NHICH
(Tên họ)	
Tuổi	Năm 1934
Nghề	Quân nhân
Cư trú tại	KBC. 4.094
Mẹ	LÊ-THỊ-NHÀ
(Tên họ)	
Tuổi	Năm 1937
Nghề	Y-Tá
Cư trú tại	Khu phố Hải-Chân, Quận Nhất, Đà-Nẵng
Vợ	Chánh
(Chánh hay thối)	
Người khai	NGUYỄN-HỮU-NHICH
(Tên họ)	
Tuổi	Năm 1934
Nghề	Quân nhân
Cư trú tại	KBC. 4.094
Ngày khai	Năm nay, tháng bảy, năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín (05-07-1969)
Người chứng từ abis	CHẤY CHỨNG NHẬN SỐ : 991
(Tên họ)	
Tuổi	của Y-sĩ Đại-ý TIỀN-THANH-TRAI
Nghề	Trưởng ngành Pháp-sản-khoa
Cư trú tại	Tổng-Y-Viện Duy-Tân cấp ngày 01-7-1969
Người chứng từ nh	
(Tên họ)	
Tuổi	
Nghề	
Cư trú tại	

Làm tại **ĐÀ-NẴNG** ngày **5** tháng **7** năm 19 **69**
 Người khai, **NGUYỄN-HỮU-NHICH** **NGUYỄN-HỮU-NHICH** Nhân chứng,

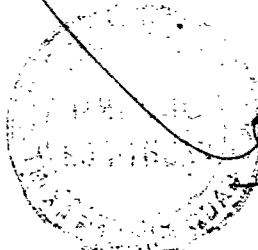
NGUYỄN-HỮU-NHICH

PHUNG THỊ CHÁNH

Họ và tên: **PHUNG THỊ CHÁNH** **PHUNG THỊ CHÁNH**

CHẤY CHỨNG NHẬN

SỐ : 991



THÁI-THẠCH-HIỆNG

Thành phố, Tỉnh Hồng Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc.

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

CONFIDENTIAL

503 SN / C / I b L

Հայերն 85 92

Họ và Tên	Nguyễn Hữu Thiên Phước		Nam, Nữ	Nam
Sinh ngày tháng năm	Ngày 04, tháng 04, năm 1937 tại huyện Tân B. (3-5-1937)			
Nơi sinh	Xã Hòa An, huyện Tân B., tỉnh Tân B.			
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ tên tuổi, hoặc ngày, tháng, năm sinh	Nguyễn Hữu Thiên Phước sinh năm 1934		Lê Thị Hương sinh năm 1937	
Dân tộc	Kinh		Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam		Việt Nam	
Nghề nghiệp nơi ĐKKK thường trú	Công nhân		Công nhân	
Họ tên, tuổi nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Xã Hòa An, huyện Tân B., tỉnh Tân B. Công nhân Lê Thị Hương 46 tuổi số nhà 20/1/2 Quận Tân B. Xã Tân B. 2, huyện Tân B., tỉnh Tân B. Số CN 12/1/1937/CA cấp ngày 12-7-1937			

NGHÂN TRIỆC SAO Y BÀN CHÁNH

Ngày 10 tháng 10 năm 1963

TAM. UBND  ký tên, đóng dấu

đang ký ngày 10 tháng 8 năm 1983

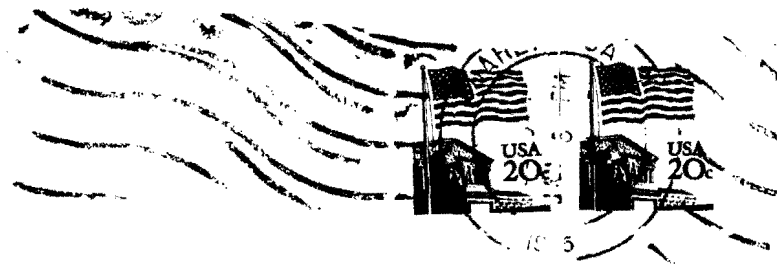
n, đồng dấu ghi rõ chức vụ)



FCF - TCM 25

Là vấn đề
(hình ảnh)

DANG NGOC NGUYEN



ASSOCIATION OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS' FAMILY
PO BOX 21305
SAN JOSE, CA 95151

-Da 20 re 1986
u

COMPUTERIZED